

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ THANH HÓA Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
TỈNH THANH HÓA

Bản án số: 88/2024/ HNGĐ - ST

Ngày: 25/ 9/ 2024

V/v: “ Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn”;

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Cát Tường
2. Ông Phạm Văn Tiến

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Minh Phương – Thư ký
TAND thành phố Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Q - Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 342/2024/TLST- HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2024 về việc: “ Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 250/ 2024/ QĐXXST- HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị A - Sinh năm 1988 - Có mặt
Nơi cư trú: SN C đường T, Phường H, Thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Vũ Đức M – Sinh năm 1986 - Vắng mặt
Nơi cư trú: SN C đường T, Phường H, Thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Hiện đang chấp hành án tại phân trại K1 – Trại giam S - C10 Bộ C, Thị trấn T, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị A trình bày:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị A và anh Vũ Đức M kết hôn với nhau vào năm 2012, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, Thành phố Thanh Hóa.

Sau khi kết hôn anh, chị chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn và ngày càng nghiêm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh M chơi bời không tu chí làm ăn, dẫn đến vay nợ nhiều nơi không có tiền trả, chủ nợ đến đòi nợ, đe dọa cuộc sống gia đình.

Đến năm 2023 anh M phạm tội “ Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài

sản”, bị Toà án nhân dân tỉnh Thanh Hoá xử phạt 12 năm tù. Hiện tại anh M đang chấp hành án tại phân trại K1 – Trại giam S - C10 Bộ C, Thị trấn T, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa.

Nay chị A xét thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và anh, chị đã sống ly thân nhau từ năm 2022 đến nay. Do đó chị Nguyễn Thị A đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vũ Đức M.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị A và anh Vũ Đức M có 02 con chung là cháu Vũ Minh K, sinh ngày 27/4/2018 và cháu Vũ Nhật M1, sinh ngày 27/6/2020. Hiện nay cả hai cháu đang ở với chị Nguyễn Thị Anh .

Ly hôn, chị Nguyễn Thị A có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả hai con chung và không yêu cầu anh Vũ Đức M cấp dưỡng tiền nuôi con chung vì hiện nay anh Vũ Đức M đang còn phải chấp hành án nhiều năm, nên không có thu nhập.

Về tài sản và công nợ: Chị Nguyễn Thị A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản khai bị đơn anh Vũ Đức M trình bày:

Về hôn nhân: Anh Vũ Đức M cũng thống nhất, anh và chị Nguyễn Thị A kết hôn vào năm 2012, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, Thành phố Thanh Hóa. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2024 thì cô Nguyễn Thị A yêu cầu xin ly hôn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung và do anh Vũ Đức M phạm tội bị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hoá xử phạt 12 năm tù về tội “ Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, hiện anh Vũ Đức M đã chấp hành án được 17 tháng, quá trình anh Vũ Đức M đi chấp hành án thì chị Nguyễn Thị A cũng có đến thăm gặp. Nay anh Vũ Đức M xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, nên anh Vũ Đức M không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh Vũ Đức M cũng thừa nhận, anh và chị Nguyễn Thị A có 02 con chung là cháu Vũ Minh K – sinh ngày 27/4/2018 và cháu Vũ Nhật M1 – sinh ngày 27/6/2020. Hiện nay cả hai cháu đang ở với chị Nguyễn Thị Anh .

Do hiện nay anh đang phải chấp hành án, nên không có điều kiện để chăm sóc, nuôi con chung. Do đó anh M đồng ý để cô A trực tiếp nuôi dưỡng con chung và anh không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ: Anh Vũ Đức M không yêu cầu tòa án giải quyết.

Kết quả thu thập chứng cứ và xác minh tại chính quyền địa phương: Chị Nguyễn Thị A và anh Vũ Đức M kết hôn và chung sống với nhau tại SN 3B/21/06 đường T, Phường H, Thành phố T, tỉnh Thanh Hóa và có 02 con chung. Quá trình chung sống tại địa phương anh chị xảy ra mâu thuẫn như thế nào thì chính quyền địa phương không nắm được vì anh chị không báo cáo. Hiện nay anh Vũ Đức M đang đi chấp hành án phạt tù, nên không có mặt tại địa phương, còn chị A thì đã nhiều năm không sống tại địa phương. Nay chị Nguyễn Thị A yêu cầu xin ly hôn với anh Vũ Đức M thì đề nghị Tòa án căn cứ

vào quy định của pháp luật để giải quyết.

Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị A vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ý kiến của đại diện VKS:

Về việc chấp hành pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Từ khi thụ lý đến quá trình xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đại diện VKSND Thành phố Thanh Hóa đề nghị HĐXX:

Áp dụng:

Điều 56, 81, 82, và 83 của Luật HNGĐ. Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và NQ 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị A được ly hôn anh Vũ Đức M.

Về con chung: Anh Vũ Đức M và chị Nguyễn Thị A có 02 con chung là cháu Vũ Minh K – sinh ngày 27/4/2018 và cháu Vũ Nhật M1 – sinh ngày 27/6/2020.

Ly hôn, giao cho chị Nguyễn Thị A trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung. Anh M không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh M có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản, công nợ: Anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét;

Về án phí: Chị Nguyễn Thị A phải chịu 300.000đ án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng:*

Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về việc “ Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại thành phố Thanh Hóa, là thuộc thẩm quyền giải quyết vụ án của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35 và Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Vũ Đức M đã được tổng đạt hợp lệ lần 2, nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó HĐXX căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Vũ Đức M.

[2] *Về hôn nhân:* Anh Vũ Đức M và chị Nguyễn Thị A kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống do anh M chơi bời không tu chí làm ăn, dẫn đến vay nợ nhiều nơi, không có tiền trả, chủ nợ đến đòi nợ, đe dọa nhiều lần, làm ảnh hưởng đến cuộc sống của gia đình, từ đó dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng. Mặt khác hiện nay anh M phạm tội đang phải đi chấp hành hình phạt 12 năm tù. Do đó cuộc sống chung không tồn tại trong một thời gian dài, mục đích hôn nhân không đạt được và chị Nguyễn Thị A cũng tha thiết đề nghị Toà án giải quyết

cho chị được ly hôn với anh **Vũ Đức M**, vì xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị với anh **Vũ Đức M** thực sự không còn.

Do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị **Nguyễn Thị A** được ly hôn anh **Vũ Đức M**.

[3] Về con chung: Anh **Vũ Đức M** và chị **Nguyễn Thị A** có 02 con chung là cháu **Vũ Minh K** – sinh ngày 27/4/2018 và cháu **Vũ Nhật M1** – sinh ngày 27/6/2020.

Hiện nay cả hai cháu đang ở với chị **Nguyễn Thị Anh**. Ly hôn, chị **Nguyễn Thị A** có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả hai con chung và không yêu cầu anh **Vũ Đức M** cấp dưỡng tiền nuôi con chung..

Xét nguyện vọng được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con chung của chị **Nguyễn Thị A** là hoàn toàn chính đáng và phù hợp với điều kiện thực tế. Do đó HĐXX căn cứ vào Điều 81, 82, 83 luật Hôn nhân và gia đình giao cho chị **Nguyễn Thị A** trực tiếp nuôi dưỡng cháu cả hai con chung. Anh **Vũ Đức M** không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị **Nguyễn Thị Anh**.

Anh **Vũ Đức M** có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở;

[4] Về tài sản, công nợ: Anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Chị **Nguyễn Thị A** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điểm a Khoản 5 Điều 27 NQ 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35 và Khoản 1 Điều 39; Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 56; Điều 81; 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Điểm a Khoản 5 Điều 27 NQ 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

Xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị **Nguyễn Thị A** được ly hôn anh **Vũ Đức M**.

2. Về nuôi con chung: Anh **Vũ Đức M** và chị **Nguyễn Thị A** có 02 con chung là cháu **Vũ Minh K**, sinh ngày 27/4/2018 và cháu **Vũ Nhật M1**, sinh ngày 27/6/2020.

Ly hôn, giao cho chị **Nguyễn Thị A** trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung là cháu **Vũ Minh K**, sinh ngày 27/4/2018 và cháu **Vũ Nhật M1**, sinh ngày 27/6/2020.

Anh **Vũ Đức M** không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh **Vũ Đức M** có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản, công nợ: Anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không

xem xét.

4. Về án phí: Nguyễn Thị A phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị đã nộp theo biên lai thu số 0001567 ngày 30/ 7/ 2024 của Chi cục THADS thành phố T (Chị Nguyễn Thị A đã nộp đủ tiền án phí).

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị A có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Anh Vũ Đức M có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP Thanh Hoá;
- Chi cục THADS TP Thanh Hoá;
- UBND p. Hàm Rồng;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thị Hương

